

Khuyñh hướng cách tân trong thơ Việt Nam sau 1975

MAI VĂN PHẤN

Nơi mũi tên rơi, mặt đất rung lên đây ta tới một đích khác

MVP

Thơ Việt Nam đương đại tương đối phong phú và đa dạng. Trong phương diện nào đó, có thể so sánh với thơ một số nước trong khu vực và trên thế giới. Sau năm 1975, rõ nét hơn đến đầu thập niên 90, bên cạnh những khuynh hướng bảo tồn thơ truyền thống, thơ Việt xuất hiện trào lưu mới thường được gọi chung bằng cụm từ: Thơ cách tân sau năm 1975. Mở đầu cho sự cách tân thơ của thế hệ sau năm 1975, theo tôi, có thể nhắc đến 3 gương mặt thơ tiêu biểu: Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Lương Ngọc và Dương Kiều Minh. Thơ họ đã khai mở, thôi thúc một số cây bút cùng thời đi tìm giọng nói của thế hệ mình, thời đại mình. Kế tiếp sau 3 tác giả vừa nêu, đến nay đã có thêm một số nhà thơ sáng tác trong hệ hình thẩm mỹ mới, khác biệt với những thế hệ trước đó, tạo nên một khuynh hướng thơ cách tân toàn triệt. Họ chủ yếu nằm ở thế hệ 5X và 6X. Tác phẩm của họ thực sự đã có vị trí xứng đáng trong lòng người đọc với những đóng góp đáng kể vào đời sống văn học. Trong tiểu luận này, tôi tập trung khảo sát tác phẩm của các tác giả tiêu biểu của thế hệ cận kề sau cuộc chiến: Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Trần Tiến Dũng, Nguyễn Đức Tùng, Inrasara, Nguyễn Bình Phương, Giáng Vân,...

1. Cách tân đề tài. Đề tài là phạm vi, cách tiếp cận hiện thực, đối tượng được phản ánh. Các nhà thơ cách tân đã kết hợp hài hòa giữa cái “Tôi” trong Thơ Mới, tính “đại tự sự” trong thơ thời chiến với tâm thức mở nhiều chiều của đời sống văn minh hiện đại. Sự kết hợp ấy được đẩy xa một khoảng cách bằng những ẩn ức, trực giác, mê sảng,... bằng những mô-đun, lát cắt, biểu tượng,... để bạn đọc bình tĩnh minh định nó trong một thế giới thơ mới lạ. Các nhà thơ theo khuynh hướng này đã kết hợp được những tinh hoa của các trào lưu thơ ca phương Tây với những quan niệm về tâm linh trong văn hóa phương Đông từ cổ đại đến hiện đại, nhằm tạo nên những diện mạo thơ độc đáo, đa dạng và khác biệt ngay với những bạn viết cùng thế hệ.

Chất liệu cho đề tài của khuynh hướng này bao gồm những vấn đề từ vi mô đến vĩ mô của đời sống hiện đại, những góc khuất trong tư tưởng, tình cảm con người, ý thức và vô thức,... Những nhìn nhận, đánh giá tinh táo chân xác từng giá trị của lịch sử, cất vắn những thân phận người, về con đường, vị thế của dân tộc, của đất nước khi hội nhập. Tác phẩm của mỗi nhà thơ cách tân xuất hiện trước bạn đọc như một thế giới thơ độc đáo, riêng biệt, cá dị biệt, nhằm khúc xạ, phản tỉnh, soi tỏ lại lịch sử và mở đường cho tương lai.

Trong khuynh hướng đó, người đọc thấy được thơ Dương Kiều Minh mang hơi xuân từ những cánh đồng trong tập thơ đầu tay Cúi lửa (Nxb Tác phẩm mới, 1989). Thấy không gian tượng trưng kết hợp với những lát cắt, những biến hóa hai chiều của hội họa Lập thể (Cubism), của Dã thú (Fauvism) trong 3 tập thơ của Nguyễn Lương Ngọc: Từ nước (Nxb Hội Nhà văn, 1991), Ngày sinh lại (Nxb Thanh niên, 1991), Lời trong lời (Nxb Văn học, 1994). Trong sự thanh tĩnh đến trong suốt của thơ Giáng Vân mà trước đó chưa từng xuất hiện trong thơ Việt: Chúng ta chỉ có thể bay trong mơ/ Để tuyệt giao với nhơ bản (Viết tặng họa sỹ Trần Trọng Vũ – Giáng Vân). Người đọc còn thấy được tính tự sự - hiện đại, phân mảnh, điều nhại, hỗn dung,... hay chủ ý tạo những đường biên mờ nhòe, đảo lộn mọi quy ước, hoặc mở những khoảng không bất ngờ, gây sửng sốt trong thơ Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Bình Phương,... Thêm vào đó, còn thấy hệ thống ngôn ngữ thơ biến đổi đến kỳ ảo để tạo sinh nghĩa mới, làm gia tăng khả năng biểu đạt của tiếng Việt trong thơ Trần Tiến Dũng, Inrasara.

Đặc biệt, tôi muốn nhấn mạnh đến sự ra đời tập thơ Sự mất ngủ của lửa (Nxb Lao động, 1992) của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều. Tập thơ này, trước hết làm bật lên nỗi khao khát về những cuộc lên đường, khát vọng giải phóng khỏi những định chế cũ, quan niệm cũ. Sau đó, thơ Nguyễn Quang Thiều định hình một phong cách riêng, kích hoạt sự cách tân của nhiều nhà thơ sau đó. Ông xứng đáng được tôn vinh là một trong những thi sĩ tiên phong của dòng chảy thơ cách tân sau 1975.

2. Để xác định tác giả thơ có nằm trong hệ hình thơ cách tân hay không, trước hết cần nhìn vào kết cấu không gian trong mạch thơ, bài thơ cụ thể. Tôi xin được trở lại với hệ hình Thơ Mới với cái “Tôi” chủ đạo, quán xuyên tinh thần sáng tạo, tiếp đến là những “đại tự sự” trong thơ thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, mà thực chất, vẫn là hệ hình thơ Hiện thực và Lãng mạn được nâng cấp, mở rộng. Thậm chí nó được cải biên trên tinh thần lấy hiện thực làm nền tảng, làm điểm tựa để dồn thổi cảm xúc vào đó. Để mô phỏng, tái tạo một hiện thực thơ giống như nó vốn có, nhưng mang tinh thần chủ quan và cảm xúc của người viết. Phương pháp này phù hợp với công việc tuyên truyền hơn là cách “mở khóa” để người đọc bước vào không gian nghệ thuật sáng tạo của nhà thơ.

Chủ nghĩa lãng mạn bắt đầu xuất hiện tại Anh và Đức từ năm 1795 ở hầu hết lĩnh vực nghệ thuật như văn học, hội họa, điêu khắc, âm nhạc,... Nhưng phải đến năm 1820, dòng văn học lãng mạn mới định hình ở Pháp, với những nhà thơ tiêu biểu cho khuynh hướng này, như V. Hugo, A. de Lamartine, A. de Musset, A. de Vigny, G. de Nerval,... Như vậy, chúng ta đang trở lại câu chuyện khởi nguồn của phong trào Thơ Mới từng diễn ra ở phương Tây từ hai thế kỷ trước. Nhìn lại khoảng cách giữa thơ Lãng mạn và Hiện thực, thậm chí cả thơ được sáng tác theo phương pháp Hiện thực Xã hội chủ nghĩa sau này, giữa chúng đều là những ranh giới mờ nhòe và linh động. Thực tế cho thấy, “bóng râm” của Hiện thực và Lãng mạn ấy hiện vẫn tiếp tục ảnh hưởng, che phủ nền thơ đương đại chúng ta. Hiện có

khá nhiều tác giả xuất hiện sau 1975, cả thế hệ 8X, 9X vẫn chưa thoát khỏi hệ hình thi pháp này. Khá nhiều tác giả có nỗ lực đổi mới, nhưng do chưa nắm được căn cốt chuyển động của các trào lưu, khuynh hướng nên tỏ ra lúng túng, không tìm thấy đường ra. Có tác giả đổi mới thơ bằng cách làm “khô” cảm xúc khi viết, đó là một sai lầm tệ hại. Hoặc có người cố tình bẻ vụn, hoặc kéo dài hình thức câu thơ cho lạ mắt mà không chú ý đến thiết lập không gian. Quan niệm ấy đã dẫn họ đến bế tắc, thất bại.

Khác biệt với những thi ảnh trong hệ hình thi pháp Hiện thực và Lãng mạn (tôi tạm gọi đó là hình học phẳng) chính là không gian thơ đa chiều trong những “khối lập phương” của hình học không gian. Những thi ảnh trong “khối lập phương” ấy có thể được xuất hiện ở bất kỳ chiều nào trong không gian nhiều chiều của một bài thơ. Và dĩ nhiên, chúng không nằm trên một mặt phẳng như những hình ảnh quen thuộc mà bạn đọc thường dễ nhận biết, dễ tiếp cận như trong hệ hình thi pháp truyền thống. Các nhà thơ cách tân đã mang đến cho bạn đọc một từ trường mới, ánh sáng mới, chứ không chỉ là những hình ảnh “đẹp” cụ thể, dễ nhận biết. Mọi hình ảnh được nhắc đến trong câu thơ, bài thơ theo khuynh hướng cách tân đều nằm trong áp lực, trong cách tạo áp lực của người viết. Người đọc tiếp cận văn bản thơ với tâm thế và cảm nhận giống như người nghe một bản nhạc không lời, thay vì nghe một ca khúc thông thường có giai điệu gắn với ca từ có nội dung đơn giản, dễ hiểu.

Trong trường hợp thơ cách tân, nhà thơ và bạn đọc đều bình đẳng và đồng sáng tạo. Người đọc được nhà thơ dẫn dụ, khơi mở vào không gian thơ. Họ có cảm giác được vận động trong những không gian tự do và bình đẳng với những kết cấu “lỏng”, nhiều hướng mở. Người đọc sẽ đọc thơ bằng kiến thức, kinh nghiệm, ấn ức và những khao khát của chính họ. Thậm chí cả những hiện tượng lạ kỳ, bí ẩn bất ngờ xuất hiện trong lòng người đọc, điều mà ngay chính tác giả của bài thơ cũng không định đoán được. Xin dẫn 2 câu thơ trong bài Gọi hạc của nhà thơ Nguyễn Lương Ngọc: những con đã sinh ra thì đã chết/ những con chưa chết thì chưa sinh ra. Đây là hai câu thơ tài hoa, mang vẻ đẹp linh ẩn. Đọc hai câu thơ này, người đọc như nghe được cả tiếng những sinh linh từ hai cõi âm dương đang chuyển động qua bức màn vô minh, nghe được những cánh hạc đập vào khoảng không rộng mở xao xác và hiu quạnh. Thậm chí, còn có thể nghe và cảm được những âm thanh hòa quyện, cả những nốt nhạc lẻ loi, đơn độc trong đó. Nhưng chúng ta khó có thể ước lượng, đếm được bao nhiêu “con hạc” trong đàn hạc kia đang chuyển động. Cách “hòa âm” của câu thơ trên đem lại cho người nghe cảm giác một chút vui xen lẫn nỗi buồn, niềm hy vọng vừa được nhen lên trong sự cô lạnh, tự tin trong an phận, cam chịu.

3. Cách tân ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu trong thơ bắt nguồn từ tính đa chiều, đa tuyến tính trong kiến tạo không gian. Đó cũng chính là ngôn ngữ của cái “Tôi” thời hiện đại khác biệt với cái “Tôi” trong Thơ Mới. Khác hẳn với những “đơn

vị” trong “đại tự sự” trước đó. Các nhà thơ cách tân sau 1975 thường dùng hình thức trữ tình phổ biến là tự sự - độc thoại trong tác phẩm của mình. Như trong bài Không ai gọi tôi trở dậy vào buổi cuối thu, nhà thơ Dương Kiều Minh viết: Không ai gọi tôi trở dậy vào buổi cuối thu/ tôi nằm viên mãn - chiếc lá vàng dưới hàng song thụ/ Nếu mẹ tôi mà biết/ Liệu mẹ tôi trách cứ các người... Ở đoạn thơ trên, một cái “Tôi” hóa nhập và hòa nhập vào thiên nhiên làm hình ảnh người Mẹ thấp thoáng hiện về đã hiện hữu thành Mẹ thiên nhiên, Mẹ của vũ trụ để bảo vệ và che chở con người bằng tình yêu bao dung, rộng lớn của Người.

Bên cạnh đó, trong thơ cách tân sau 1975, hình ảnh luôn biến ảo dị thường, vượt xa những liên tưởng thông thường, trở thành những hình ảnh phóng dụ, ám dụ người đọc, gợi mở cho họ liên tưởng tới những điều lớn lao, hệ trọng trong đời sống xã hội, thế nhân. Hình ảnh “con bóng” trong bài thơ Dưới trăng và một bậc cửa của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều là một dẫn chiếu:

Con bóng cái chữa hoang ngõ gác và thường chết ngất;

Hai cánh tay tôi – hai vây cá rách tướp

Dù nổi sợ chữa hoang đi tìm ổ đất buồn...

Trong phần này, tôi muốn dẫn chứng cụ thể hơn về cách tân ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu thơ trong bài thơ Thời gian của một ngày của Nguyễn Đức Tùng, một nhà thơ hiện định cư và sáng tác tại Canada. Nguyên văn bài thơ như sau:

Bạn nghĩ một đời bắt đầu từ lúc sinh ra

Đến khi chết. Một ngày bắt đầu từ sáng

Đến khi bạn lên giường, tắt đèn, nằm dưới cơn mưa

Bạn nhớ lại: buổi học đầu tiên, kỳ thi cuối cùng

Nụ hôn ở giữa, cuộc chiến tranh

Những cái vãi, nạn cháy rừng, đứa bé chết trôi mùa lũ

Cuộc khủng bố. Nhưng một ngày không kéo dài cách ấy

Nếu bạn muốn sống nhiều cuộc đời trong một

Không phải chán thương, khúc quanh, mà chính buổi sáng

Bình yên, ly cà phê quán cóc, thư viết tay, trò chuyện mỗi ngày bên bàn ăn, ngọn đèn bếp ấm, đơn điệu của tình yêu, nhiệm vụ lặp lại

Của tình bạn, tiếng tích tắc đồng hồ, lặp lại, mơ hồ nhớ, hay khắc sâu trong ký ức

Sẽ kéo dài ra cuộc đời bất tận

Như khi người khách lạ, vừa đi vội vã vừa kéo lê va li trên đường

Hoàng hôn xuống, trong rừng, bạn lái xe, trời sắp mưa, bạn phân vân nửa muốn dừng

Nửa muốn không. Và bạn đã dừng lại, và một ngày như thế sẽ dài ra

Bài thơ mở đầu và kết thúc trong tiết tấu chậm, đều đều của ngôn ngữ kể. Nhà thơ Nguyễn Đức Tùng đã lược bỏ gần như tối đa vẻ hoa mỹ của ngôn ngữ thơ ca truyền thống, như không tu từ, như không chú ý tới nhịp điệu câu thơ. Ông cố ý để những hình ảnh xuất hiện ngẫu nhiên, hỗn tạp như chính đời sống đang diễn ra. Tác giả bài thơ cũng đóng vai ngôi thứ 3 trong câu chuyện kể này: Đến khi bạn lên giường, tắt đèn... Bạn nhớ lại... Và, những vấn đề tưởng chừng hệ trọng, như chiến tranh, nạn cháy rừng, lũ lụt,... được tác giả kể lại với giọng điệu nhẹ tênh, tung tung, rồi thoảng qua như những hình ảnh chuyển động nhanh trong một đoạn phim ngắn. Rồi nhà thơ bất ngờ chuyển cảnh: ... Cuộc khủng bố. Nhưng một ngày không kéo dài cách ấy. Ngay trong một câu thơ, có dấu chấm ở giữa câu, nhà thơ bất ngờ chuyển sang “kênh” khác với những hình ảnh cố ý tạo điểm sáng để người đọc hình dung một địa văn hóa, địa chính trị khác trong nền không gian sâu hút, mờ sương: ly cà phê quán cóc, thư viết tay,... ngọn đèn bếp ấm, nhiệm vụ lặp lại... Đọc đến đây, tôi bỗng liên tưởng việc tiếp cận văn bản thơ, tựa như được tác giả đặt vào tay bạn đọc một chiếc ống nhòm. Bạn đọc cầm chiếc “ống nhòm” lên và hướng vào khu rừng, thấy một con chim đang đậu lên đỉnh cây cổ thụ, rồi khẽ nhích ống nhòm lại thấy con đường mòn, rồi khẽ nhích, khẽ nhích,... Bỗng chốc bạn đọc đã đủ hình dung quang cảnh cả khu rừng rộng lớn từ mọi góc nhìn. Sẽ kéo dài ra cuộc đời bất tận/ Như khi người khách lạ, vừa đi vội vã vừa kéo lê va li trên đường. Hai câu thơ đặt ở vị trí gần kết thúc bài thơ như vô tình đẩy bạn đọc hòa vào dòng chảy bất tận của đời sống đương thời với ngôn ngữ những âu lo, hạnh phúc, khổ đau, ý nghĩa và vô nghĩa,... Ngay trong một bài thơ không dài, Nguyễn Đức Tùng đã liên tiếp mở ra nhiều không gian thơ tiếp nối và đan xen. Những không gian liên tục chuyển động, liên tục diễn tiến và khép mở. Trong một thoảng phân vân nào đó, nếu ta ý thức được ý nghĩa của nó, thì đó chính là niềm hạnh phúc bất tận trên thế gian tuyệt đẹp và cũng đầy bất trắc này. Đây là một trong những bài thơ cách tân có lối lập tứ độc đáo, cùng với ngôn ngữ và nhịp điệu chưa từng xuất hiện trong thơ Việt trong những giai đoạn trước đây.

4. Thơ cách tân sau 1975 mang dấu ấn của nhiều khuynh hướng, trào lưu của thơ ca thế giới, trong đó phần lớn ảnh hưởng chủ nghĩa Tượng trưng và Siêu thực. Khác với [thơ Lãng mạn](#) dựa trên cảm xúc, [thơ Cổ điển](#) dựa trên lý trí, thơ Tượng trưng và Siêu thực dựa trên [trực giác](#), một phần ảnh hưởng thuyết Phân tâm học của nhà khoa học thần kinh và tâm lý người Áo Sigmund Freud (185 –1939). Có người còn cho rằng chủ nghĩa Siêu thực ngày nay rất gần với tư tưởng của Thiền. Nếu so sánh ảnh hưởng của chủ nghĩa Tượng trưng và Siêu thực giữa thế hệ thơ trước đây (Hàn Mặc Tử, Bích Khê, Chế Lan Viên trong giai đoạn đầu,...) với các nhà thơ cách tân sau 1975, chúng ta thấy có sự khác biệt căn bản. Trong tác phẩm

của các nhà thơ thế hệ trước, bóng dáng của Tượng trưng và Siêu thực nằm trong hệ hình ngôn ngữ, tổ chức câu, cách tu từ,... nhưng trên căn bản thơ họ vẫn được cấu tứ trên nền tảng của cấu trúc thơ Hiện thực và Lãng mạn. Nhưng, thơ cách tân sau 1975 đã thay đổi tận gốc rễ kiến tạo không gian, thay đổi nền tảng của cấu trúc bài thơ, tạo nên sự hỗn mang, đa chiều trong cách làm hiện lộ thi ảnh và phương hướng chuyển động của chúng. Ở khuynh hướng này, dấu ấn của Tượng trưng và Siêu thực nằm ở những mặt cắt của những mảnh không gian đan xen, tiếp nối, chồng lấn mờ nhòe,... Cách thiết lập hình ảnh, kiến tạo không gian của Tượng trưng và Siêu thực đã giúp các nhà thơ cách tân sau 1975 và bạn đọc tự mở ra nhiều cánh cửa khi sáng tạo và tiếp nhận, vượt qua được những đường biên của liên tưởng và cảm xúc quen thuộc, thông thường. Xin dẫn chiếu một số câu thơ tiêu biểu của một số tác giả có ảnh hưởng hai khuynh hướng vừa nêu:

- Nỗi đau đón tiếp tục cháy

trước khi nàng đặt vào mắt tôi hòn đá khác

tất cả những gì thuộc về tôi đã không như trước nữa

(Ở cùng một nơi với những người vấp ngã - Trần Tiến Dũng)

- Vít tay ga phóng vượt qua nước mắt

Sang bên kia bầu trời

Chạm vào thời tiết và tan biến

Các chấm đỏ lại nôn nao ẩn hiện

Trong đường cua quái đản

Lấp lánh theo dọc dải Ngân hà

Em lộng lẫy sau xe như tích tắc cuối cùng của mùa hạ

(Xe máy – Nguyễn Bình Phương)

Cùng với khuynh hướng Tượng trưng và Siêu thực vừa nêu, dấu ấn của trào lưu Hậu-hiện đại cũng để lại khá đậm nét trong tác phẩm của một số nhà thơ cách tân, như thơ Trần Tiến Dũng, Inrasara,... Cần nói thêm rằng, tinh thần Hậu-hiện đại ra đời ở phương Tây đã gần nửa thế kỷ. Đây là một trào lưu văn hóa hơn là một khuynh hướng văn học. Song, một số tác giả đã vận dụng cách viết của Hậu-hiện đại (giễu nhại, lắp ghép, liên văn bản, trần thuật đoạn mạch, ý thức hỗn dung, xóa nhòa trung tâm và ngoại biên,...), và, họ đã có những thành công đáng kể. Đoạn thơ dưới đây của nhà thơ Inrasara sáng tác theo phong cách Hậu-hiện đại, như một dẫn chứng về cách tự diễn, phản tỉnh mạnh mẽ:

Tôi đang làm gì là gì

nhà thơ nhà nghiên cứu nhà kinh

doanh hay miếng giẻ rách. Kiếp trước
chắc chắn tôi là chim kiếp sau
làm loài ếch có lẽ kêu ồm
ộp ngoài mưa
Trí thức không hẳn trí thức
truyền thông không thật truyền thông
thi ca vắng mặt thi ca

Tôi kêu ồm ộp trong mưa thật
(Chuyện tôi - Inrasara)

Nhà thơ Trần Tiến Dũng dùng những thủ pháp khác lạ. Tác giả như chế bản lại (parody) hòa trộn những âm hưởng và giai điệu dân ca quen thuộc miền Tây Nam Bộ quê hương ông với tiết tấu nhanh, ngắt quãng trong không gian hiện đại với nhiều mặt cắt. Hình ảnh một “Tay chơi ruộng” ngắt ngưỡng, phóng túng, xuất hiện thật đáng yêu trong khổ thơ sau:

Tay chơi ruộng
trên đường miệng ngậm rom
tháng hai đuổi hơi thở hắt
khỏi hương cá, hương cơm
thương không thương cũng thôi em ơi!
chờ suốt đêm với gai mắc cỡ/ chết được rồi/ sống lại mà chi!

Các nhà thơ cách tân áp dụng thành công nhiều khuynh hướng thơ thế giới vào sáng tác, một mặt, đã làm phong phú thêm thơ Việt đương đại, và theo một cách nhìn khác, đó chính là cách để họ tìm đường đến với một phong cách thơ Việt hiện đại trong tương lai gần. Phong cách sáng tác này khá gần với Chủ nghĩa Cổ điển Tự nhiên – một trào lưu văn nghệ tiến bộ đương phát triển ở Mỹ và châu Âu. Trào lưu này do Nhà thơ – Giáo sư Frederich Turner sáng lập với những nội dung chính như, tái hợp nghệ sĩ với công chúng, tái hợp cái đẹp với đạo đức, tái hợp nghệ thuật cấp cao với nghệ thuật cấp thấp, tái hợp nghệ thuật với tay nghề, tái hợp nhiệt tình và trí tuệ, tái hợp nghệ thuật với khoa học, tái hợp quá khứ với tương lai,... Một số bài thơ của Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Bình Phương, Giáng Vân,... đã chịu ảnh hưởng hoặc vô tình rất gần với khuynh hướng này. Đây cũng chính là dòng văn học quy tâm, đưa nhân loại trở về với thuở oanh nhi của mình:

- Trong biệt tằm/ Tôi thả mình rơi thong thả/ Không gì bức dọc/ Chỉ rệt những thứ vu vơ/ Tôi/ Hóa ra những vụn vỡ nhỏ/ Li ti/ Hạt giống của loài hoa cỏ/ Có thể nảy mầm rất nhanh/ Một sáng thôi/ Làm tràn ngập sự thanh khiết(Biến hóa – Giáng Vân)

- nước câu mặt trời/ mặt trời câu gió/ phỏ câu người đời/ ô/ quê mùa câu phỏ/ ngày mai câu một ngày mai khác/ bằng gương mặt lơ vơ (Buổi câu hò hững - Nguyễn Bình Phương)

- Những vòm cây đã trộn vào nhau/ Rễ trộn vào thân và lá trộn vào quả.../ Tỉnh giấc trong khuya bởi màu trắng cơn mê/ Cổ hương xoã tóc đen đi trong gió trắng/ Cổ hương vật lên như sóng/ Cổ hương vui mình như muối triệu năm(Chuyển dịch màu đen-Nguyễn Quang Thiều)

Khảo sát những gương mặt thơ cách tân sau 1975 cho thấy, mỗi tác giả thường ảnh hưởng từ một đến hai, thậm chí hầu hết các khuynh hướng thơ chủ lưu trên thế giới. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận, hệ hình thẩm mỹ và nguồn tư liệu của mỗi người. Có một số tác giả dù không tiếp cận trực tiếp với văn bản thơ của các trào lưu, khuynh hướng thơ bên ngoài, nhưng sự đổi mới, cách tân của họ tự phát như một bản năng. Bởi ngay trong những làn điệu dân ca, ca dao, tục ngữ, phương ngữ... của mỗi dân tộc từ xa xưa đã xuất hiện bóng dáng một số thủ pháp nghệ thuật ngôn ngữ như Tượng trưng, Siêu thực, Biểu hiện, Hậu-hiện đại... Có thể, ta chưa có một khuynh hướng, trào lưu chính thức là do chưa có người đúc kết, tập hợp và cô xúy thành quy luật mà thôi.

5. Xây dựng và định hình một khuynh hướng thơ Việt hiện đại, chính là đích đến của một số nhà thơ cách tân sau 1975, cũng là mong đợi của tất cả bạn đọc hiện nay. Thơ chúng ta không thể mãi chịu ảnh hưởng các khuynh hướng, trào lưu thơ ca bên ngoài. Như tôi đã nói trong một vài tiểu luận trước đây, nếu đi ngược lại thời gian từ tác phẩm của nhà thơ Tản Đà, nền văn chương cử tử của Việt Nam về trước chủ yếu ảnh hưởng thơ đời Đường và tiền thơ Tống. Giai đoạn từ hậu thơ Tống đến nay, bạn đọc chúng ta chưa hiểu sâu rộng về thơ Trung Hoa. Tương tự như vậy, gần đây chúng ta mới chú tâm nghiên cứu thơ Nhật Bản, Ấn Độ và các nước trong khu vực. Sau thời điểm tính mốc từ thơ Tản Đà, cuộc cách mạng Thơ Mới đã đưa nền thơ chúng ta gần với thơ Hiện thực và Lãng mạn của phương Tây, chủ yếu là thơ Pháp. Sau thời điểm Đổi mới, một số tác giả cách tân áp dụng một số thủ pháp của các khuynh hướng hiện đại châu Âu (Tượng trưng, Siêu thực, Biểu hiện,...) và các trào lưu thơ khác sau đó, như Hậu-hiện đại, thơ Ngôn ngữ, Tân hình thức, Cổ điển tự nhiên,... Hiện trạng tác phẩm đã công bố cho thấy, có một số tác giả bị “chôn chân” trong các “bãi lầy” trào lưu, khuynh hướng thơ mà thế giới đã đi qua. Ngay một số cây bút lý luận phê bình cũng lúng túng trong cách phân định, đánh giá những tác phẩm mang tính “thể nghiệm” này. Tôi nhớ khoảng mười năm trước, mỗi khi xuất hiện tác phẩm có cách viết lạ đều được một

số nhà phê bình liệt vào dạng “Siêu thực”. Và gần đây, những hiện tượng tương tự lại được ghép chung vào nhóm “Hậu-hiện đại”...

Trong một lần trả lời phỏng vấn báo chí, tôi đã nêu quan niệm của mình: Chúng ta nên hiểu thấu đáo tất cả các trào lưu, khuynh hướng thơ ca thế giới, bởi dù ít nhiều đó là một phần tinh hoa, văn minh nhân loại. Nếu cố tình bỏ qua những thành tựu đó, nền thơ chúng ta sẽ đơn điệu, nghèo nàn,... Nhưng, thơ ca chúng ta không nên áp dụng máy móc, sống sượng những trào lưu đó. Bởi điều kiện và đời sống văn học nước ta lúc này cần một xu thế văn học khác, có hệ hình thẩm mỹ phù hợp hơn. Do vậy tôi quan niệm, các trào lưu, khuynh hướng thơ ca bên ngoài cũng như các nguồn mạch, dòng sông đang chảy qua một cánh đồng. Chúng ta không nên be ngăn dòng chảy ấy lại, mà chỉ ngưng giữ những hạt phù sa làm tươi tốt, mỡ màu thêm cho cánh đồng thơ Việt. Để định hình một khuynh hướng thơ Việt hiện đại trong tương lai gần, tôi tạm đưa ra một vài quan niệm cho riêng mình khi sáng tác. Bắt đầu từ cội nguồn, tinh hoa văn hóa Việt. Những nghi thức tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể,... Những báu vật ấy là chất liệu, nền tảng xây dựng không gian thơ với nhiều hướng mở, đa tầng hình ảnh, ý tưởng, cảm xúc,... Có ý thức chất lọc, tôn trọng những giá trị độc sáng, khác biệt khi hòa nhập để tạo những giá trị mới mang tính khai sáng, mở đường. Hướng tới cách biểu đạt tối giản, đa nghĩa, chủ ý tạo không gian, tạo áp lực hơn là tập trung gọt giũa tu từ, hình ảnh, nhịp điệu,... Tạo những cấu trúc câu mới, những từ ngữ mới, gia tăng khả năng biểu cảm làm trong sáng thêm ngôn ngữ Việt trong sáng tạo... Khuynh hướng thơ cách tân sau 1975 khi mới xuất hiện, và ngay trong thời điểm hiện nay vẫn gặp không ít những phản ứng tiêu cực từ phía bạn đọc và một vài nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Thực tế cho thấy, những phản ứng này không làm chậm lại chuyển động của dòng chảy thơ đổi mới, cách tân. Ngược lại, nó còn thôi thúc, kích hoạt thêm quá trình định hình, khẳng định chắc chắn một khuynh hướng sáng tạo mới.

Theo dõi diễn biến thơ đương đại trong khuynh hướng cách tân sau 1975 của nền thơ Việt Nam, tôi cho rằng, một nền văn học phong phú, đặc biệt thơ ca đương đại với nhiều khuynh hướng, nhiều phong cách sáng tạo là tín hiệu đáng mừng cho đời sống văn học chúng ta. Cần tiếp tục khuyến khích, cổ xúy những giá trị sáng tạo mới. Đó chính là cách chúng ta làm giàu có thêm tài sản tinh thần dân tộc để thúc đẩy quá trình sáng tạo, đổi mới ngay chính trong mỗi trào lưu thơ ca hiện nay. Điều đáng mừng là, sự xuất hiện những nhân tố mới trong sáng tạo, thực tế đã và đang làm thay đổi quan niệm của khá nhiều tác giả. Những người vẫn tiếp tục sáng tác theo hệ hình thi pháp cũ. Họ có thể phản ứng, phản đối những tác phẩm viết theo khuynh hướng cách tân. Nhưng bản thân sáng tác là một chuyển động liên tục, làm mới chính mình. Người viết cũng không nên đi lại lối mòn mà cần thay đổi để phù hợp với trào lưu chung.

Đổi mới, cách tân thi pháp là cách các nhà thơ lấy lại lòng tin, vị thế trong lòng bạn đọc hiện nay. Đồng thời, điều đó cũng giúp những người sáng tác chúng ta tự tin hơn khi văn học Việt Nam hòa nhập với văn học các nước trong khu vực và thế giới. Trên bình diện đó, thơ cách tân sau 1975 thực sự đã đóng góp xứng đáng vào văn hóa tinh thần dân tộc, làm phong phú, đa dạng thêm nền văn học Việt đương đại. Các nhà thơ đang gieo lên cánh đồng thơ Việt những hạt giống tâm hồn Việt, thấm đẫm cảm xúc, ẩn ức, tâm lý, lịch sử, hiện thực Việt, cùng những khao khát của con người đương thời để tạo nên những thành quả mới, giá trị mới.

Nguồn: Thế hệ nhà văn sau 1975: Diện mạo và thành tựu. Nhà b Hội Nhà văn.2016. Kỷ yếu hội thảo Thế hệ nhà văn sau 1975 do Đại học Văn hóa Hà Nội tổ chức